



guò kè

过客

noun · passerby

Example Sentences

Tā zhǐ shì gè guò kè
他只是个过客。

He is just a passerby.

Rén shēng jiù xiàng yī chǎng lǚ xíng wǒ men dōu shì guò kè
人生就像一场旅行，我们都是过客。

Life is like a journey; we are all passersby.

Trace each character, then write the word on your own.

过	过	过	过	过	过	过	过	过		
客	客	客	客	客	客	客	客	客	客	客
客										